



Dòng máy in đa chức năng HP LaserJet Enterprise 8601

Trải nghiệm quy trình làm việc đỉnh cao

Nâng cao năng suất văn phòng với tốc độ in và scan cực nhanh cùng khả năng quản lý dễ dàng.



Tin tưởng vào hiệu suất vượt trội

- Chỉnh sửa văn bản chưa bao giờ dễ dàng hơn thế. Scan nhanh chóng và chuyển đổi tài liệu sang định dạng Office với OCR có thể chỉnh sửa.²
- Luôn làm việc hiệu quả và luôn sẵn sàng cho tương lai với các tính năng HP FutureSmart có thể nâng cấp.³
- Tiết kiệm thời gian với tốc độ scan cực nhanh lên tới 300 hình/phút⁴ và thường thức các bản in chất lượng cao với tốc độ lên đến 70 trang/phút.⁵

Bảo vệ những gì quan trọng

- Công việc của bạn được bảo mật với HP Wolf Security⁶, âm thầm phát hiện và sửa chữa máy in của bạn khỏi các cuộc tấn công mạng.
- Bảo vệ mạng của bạn bằng máy in doanh nghiệp kháng lượng tử đầu tiên trên thế giới.⁶
- Đảm bảo an toàn cho dữ liệu của bạn với Mô-đun HP Trusted Platform Module⁷ tích hợp sẵn. Bảo mật mật khẩu, khóa và hơn thế nữa.

Đơn giản hóa việc quản lý in ấn

- Nhận một máy in để lắp đặt tại văn phòng của bạn. Không cần kỹ thuật viên bên thứ ba.
- Dễ dàng tự bảo trì—hoặc nhận hỗ trợ từ Dịch vụ của HP khi bạn cần.
- Đơn giản hóa việc quản lý với vật tư tiêu hao lâu dài và các bộ phận giúp giảm thiểu sự can thiệp.

Đạt mục tiêu bền vững

- Các thiết kế tiết kiệm năng lượng của chúng tôi đáp ứng các tiêu chí khắt khe của EPEAT Gold, Energy Star và Blue Angel.⁸
- Với Chương trình HP Planet Partners, chúng tôi cung cấp một cách thức thuận tiện để tái chế vật tư HP sau khi sử dụng.⁹
- Với mỗi trang bạn in, HP đầu tư vào việc giúp bảo vệ, quản lý và phục hồi rừng.¹⁰

Tổng quan sản phẩm

- 1. Khay nạp tài liệu tự động 300 tờ (chỉ dành cho các mẫu flow)
- 2. Máy scan phẳng xử lý giấy lên đến 11x17-inch (297x432mm)
- 3. In, scan, photocopy, fax
- 4. Khay giấy ra 500 tờ (chỉ dành cho mẫu DN/Z)
- 5. 70 trang/phút
- 6. In màu 2 mặt tự động
- 7. Giải pháp bảo mật HP Wolf Enterprise
- 8. Màn hình cảm ứng màu 10,1 inch
- 9. Nút nguồn
- 10. Bàn phím kích thước đầy đủ (chỉ dành cho các mẫu Flow)
- 11. Cửa phải vào đường dẫn in
- 12. Gói tích hợp phần cứng
- 13. Cổng USB dễ dàng truy cập
- 14. Đầu vào 2.180 tờ



Sơ lược về dòng sản phẩm



Model	HP LaserJet Ent MFP 8601dn Prntr	HP LaserJet Ent Flw MFP 8601z Prntr	HP LaserJet Ent Flw MFP 8601z+ Prntr
Mã sản phẩm	9S186A	9S185A	AQ1E3A
Chức năng	In, sao chép, scan, fax (tùy chọn)	In, sao chụp, scan, fax	
Tốc độ in	70 trang/phút		
Tốc độ chụp quét	Lên tới 180 hình/phút	Lên tới 300 hình/phút	
Khả năng ADF	200 tờ	300 tờ	
Dung lượng đầu vào	Tối đa: 2.180 tờ		
Khối lượng Trang Hàng tháng được Khuyến nghị	60,000		
Các tính năng của quy trình làm việc nâng cao	Không áp dụng	Công nghệ Flow tiên tiến	
Bộ hoàn thiện	Không áp dụng		Bao gồm Bộ dập ghim/Bộ hoàn thiện xếp chồng

Phụ kiện, Vật liệu & Hỗ trợ

Vật tư	9U1Q5A Bộ thu mực in HP LaserJet (Hộp mực trung bình in được 300.000 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISP/IEC 19752.) W1760A Hộp mực in LaserJet màu đen chính hãng HP 176A (Hộp mực trung bình in được 45.000 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISP/IEC 19752.) W1766A Trống in ảnh LaserJet màu đen chính hãng HP 176A (Hộp mực năng suất trung bình in được 600.000 trang tiêu chuẩn. Giá trị năng suất công bố dựa theo tiêu chuẩn ISP/IEC 19752.)
Phụ kiện	2NR12A Ngăn đựng ổ đĩa cứng có thể tháo rời HP 3JN69A HP Jetdirect 3100w BLE/NFC/Wireless 478C2A Trợ lý thoại in HP 4QL32A Đầu đọc USB HP Legic Secure 7ZA08A Phụ kiện HP MFP Analog Single Fax 800 7ZA09A Phụ kiện HP MFP Analog Single Fax 801 8FP31A Phụ kiện HP Jetdirect LAN 9R1U0A HP JetDirect 3200w Wifi 6 BLE/WL Accy B5L31A HP Foreign Interface Harness X3D03A Đầu đọc thẻ chứng thực USB vạn năng HP Y1G14A Bộ dập ghim/Ghim bộ hoàn thiện xếp chồng HP LaserJet Y7C05A Đầu đọc HP HIP2 Keystroke
Dịch vụ và Hỗ trợ	UF8H6E Dịch vụ tại chỗ vào ngày làm việc tiếp theo kèm DMR trong 3 năm của HP dành cho Máy in LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8H7E Dịch vụ tại chỗ vào ngày làm việc tiếp theo kèm DMR trong 4 năm của HP dành cho Máy in LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8H8E Dịch vụ tại chỗ vào ngày làm việc tiếp theo kèm DMR trong 5 năm của HP dành cho Máy in LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8H9PE Dịch vụ tại chỗ vào ngày làm việc tiếp theo sau bảo hành kèm DMR dành cho LaserJet Enterprise MFP 8601 trong vòng 1 năm của HP UF8J4E Dịch vụ tại chỗ 4 giờ kèm DMR trong 3 năm của HP dành cho Máy in LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8J5E Dịch vụ tại chỗ 4 giờ kèm DMR trong 4 năm của HP dành cho Máy in LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8J6E Dịch vụ tại chỗ 4 giờ kèm DMR trong 5 năm của HP dành cho Máy in LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8J7PE Dịch vụ tại chỗ 4 giờ sau bảo hành 4 giờ của HP kèm dịch vụ DMR cho LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8J0E Dịch vụ đổi linh kiện kèm DMR trong vòng 3 năm của HP cho Máy in LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8J1E Dịch vụ Đổi linh kiện của HP trong 4 năm kèm DMR cho LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8J2E Dịch vụ Đổi linh kiện kèm DMR trong vòng 5 năm của HP cho Máy in LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8J3PE Dịch vụ Đổi linh kiện sau bảo hành 1 năm của HP kèm DMR cho LaserJet Enterprise MFP 8601 U9JT3E Dịch vụ Lắp đặt của HP có định cấu hình mạng cho Máy in phòng ban (1 chiếc) UF8J8E Dịch vụ Thay thế Bộ công cụ Bảo dưỡng của HP cho Bộ sấy LaserJet Enterprise MFP 8601 100v tại Nhật Bản UF8J9E Dịch vụ Thay thế Bộ công cụ Bảo dưỡng của HP cho Bộ sấy 110v của LaserJet Enterprise MFP 8601 UF8K0E Dịch vụ Thay thế Bộ công cụ Bảo dưỡng của HP cho Bộ sấy LaserJet Enterprise MFP 8601 220v
Solutions	Quy trình công việc: HP Capture & Route; Phần mềm Upland Intelligent Capture; Giải pháp Upland Filebound Bảo mật: Kiểm soát truy cập HP; HP Security Manager; HP Advance; HP Secure Print và Insights In di động và đa dụng: Trình điều khiển in phổ dụng HP (UPD) Quản lý: Embedded Web Server

Thông số kỹ thuật

Model	HP LaserJet Ent MFP 8601 dn Pntr		HP LaserJet Ent Flw MFP 8601z Pntr	HP LaserJet Ent Flw MFP 8601z+ Pntr
Mã sản phẩm	9S186A		9S185A	AQ1E3A
Các chức năng	In, photocopy, scan, fax (tùy chọn)		In, sao chụp, scan, fax	
Bảng điều khiển	Màn hình đồ họa màu (CGD) 10,1 inch (25,65 cm) có màn hình cảm ứng; màn hình xoay (có thể điều chỉnh góc); Loa			
In				
Công nghệ in	Laser			
Tốc độ in ⁵	Đen trắng (A4, thường): Lên đến 70 trang/phút Đen trắng (A4, hai mặt): Lên tới 70 hình/phút Đen trắng (A3, thường): Lên đến 35 trang/phút			
Trang ra đầu tiên ⁶	Đen trắng (A4, sẵn sàng): Nhanh 5,3 giây Đen trắng (A4, chế độ ngủ): Chỉ trong 12,9 giây (15 phút)			
Độ phân giải in	Đen trắng (bình thường): Tối đa 600 x 600 dpi; Đen trắng (đường nét mảnh): Tối đa 1.200 x 1.200 dpi;			
Công nghệ in	Công nghệ: 1.200 x 1.200 dpi (Đường mảnh); 600 x 600 dpi (Bình thường); 300 x 300 dpi (Xem nhanh)			
Chu kỳ hoạt động hàng tháng	Lên đến 250.000 trang (máy in); Lên đến 250.000 trang (máy photocopy) A4; Số lượng trang được đề xuất hàng tháng: Lên đến 60.000			
Tính năng phần mềm thông minh của máy in	Xem trước khi in, in hai mặt, in nhiều trang mỗi tờ (2, 4, 6, 9, 16), sắp xếp trang in, dấu chìm, lưu trữ tác vụ in, USB để tiếp cận			
Ngôn ngữ in ấn tiêu chuẩn	HP PCL 5e; HP PCL 6, mô phỏng HP Postscript mức 3, PDF (v 1.7), tương thích với AirPrint™			
Phông và kiểu chữ	84 phông chữ TrueType có thể thay đổi kích thước			
Vùng in	Lề in Hàng đầu: 4,23 mm, Dưới cùng: 4,23 mm, Trái: 4,23 mm, Phải: 4,23 mm; Vùng in tối đa: 311,5 x 448,7 mm			
In hai mặt	Tự động			
Photocopy				
Tốc độ sao chép ²	Đen trắng (A4): Lên đến 70 bản sao/phút ; Đen trắng (A4, hai mặt): Lên tới 70 hình/phút			
Thời gian in trang đầu tiên ⁶	Đen trắng (A4): Chỉ trong 2,7 giây			
Các thông số kỹ thuật của máy photocopy	Sao chép hai mặt; thu nhỏ/phóng to; điều chỉnh hình ảnh (độ tối, tương phản, xóa nền, độ sắc nét); tối ưu hóa văn bản/hình ảnh (văn bản, kết hợp, ảnh in, ảnh chụp); In nhiều trang lên một mặt giấy; Thứ tự N hoặc Z; hướng nội dung; chia bộ; sách khổ nhỏ; chế độ scan (số, ID 2 mặt); hình mờ; đóng dấu; xếp lớp phủ ảnh; xóa cạnh; xây dựng lệnh in; xem trước hình ảnh; chuyển hình ảnh; lựa chọn giấy; bỏ trang trắng; tự động xếp thẳng; scan tới ổ lưu trữ lệnh in; Số bản sao tối đa: Lên đến 9999 bản sao; Thu nhỏ/Phóng to: 25 đến 400%; Độ phân giải bản sao, văn bản đen trắng: Tối đa 600 x 600 dpi		Sao chép hai mặt; thu nhỏ/phóng to; điều chỉnh hình ảnh (độ tối, tương phản, xóa nền, độ sắc nét); tối ưu hóa văn bản/hình ảnh (văn bản, kết hợp, ảnh in, ảnh chụp); In nhiều trang lên một mặt giấy; Thứ tự N hoặc Z; hướng nội dung; chia bộ; sách khổ nhỏ; chế độ scan (số, ID 2 mặt); hình mờ; đóng dấu; xếp lớp phủ ảnh; xóa cạnh; xây dựng lệnh in; xem trước hình ảnh; chuyển hình ảnh; lựa chọn giấy; bỏ trang trắng; tự động xếp thẳng; scan tới ổ lưu trữ lệnh in; văn bản/hình ảnh tối ưu hóa (tự động); tự động điều chỉnh tổng màu; phát hiện nạp nhiều giấy; chỉnh sửa tài liệu; tự động loại bỏ màu giấy; Số bản sao tối đa: Lên đến 9999 bản sao; Thu nhỏ/Phóng to: 25 đến 400%; Độ phân giải bản sao, văn bản đen trắng: Tối đa 600 x 600 dpi	
Scan				
Tốc độ chụp quét ¹	Bình thường (A4): Lên tới 90 hình/phút; Hai mặt (A4): Lên tới 180 hình/phút		Bình thường (A4): Lên tới 150 hình/phút; Hai mặt (A4): Lên tới 300 hình/phút	
Định dạng tập tin scan ⁴	JPEG; TIFF; MTIFF; XPS; PDF; PDF/A; PDF có tỷ lệ nền cao; PDF/A có tỷ lệ nền cao; PDF có thể tìm kiếm (OCR); PDF/A có thể tìm kiếm (OCR); PDF có độ nền cao (OCR); PDF/A có tỷ lệ nền cao (OCR); PDF có thể tìm kiếm có độ nền cao (OCR); PDF/A có thể tìm kiếm có độ nền cao (OCR)		JPEG; TIFF; MTIFF; XPS; PDF; PDF/A; PDF có tỷ lệ nền cao; PDF/A có tỷ lệ nền cao; PDF có thể tìm kiếm (OCR); PDF/A có tỷ lệ nền cao; PDF có thể tìm kiếm (OCR); PDF có tỷ lệ nền cao (OCR); PDF có thể tìm kiếm, tỷ lệ nền cao (OCR); CSV (OCR); HTML (OCR); Open Office XML (.docx, .xlsx, .pptx); RTF (OCR); VĂN BẢN UNICODE (OCR)	
Thông số kỹ thuật của máy chụp quét	Loại máy scan: Mặt kính phẳng, ADF; Công nghệ scan: Máy scan trực tuyến CCD Digital-CIS; Chế độ đầu vào scan: Ứng dụng bảng điều khiển trước; Sao chép; Fax; Scan sang email; Scan vào thư mục mạng; Scan vào USB; Scan để lưu trữ tác vụ; Nền tảng mở rộng (OXP); Phiên bản Twain: Phiên bản 2.4; Scan ADF hai mặt: Có, quét hai mặt một lần; Độ phân giải scan quang học: Tối đa 600 x 600 dpi			
Các tính năng nâng cao của máy scan	Embedded OCR; Automatically straighten		OCR nhúng; tối ưu hóa văn bản/hình ảnh (tự động); scan tới nhiều đích đến; tự động điều chỉnh tổng màu; tự động chỉnh hướng; phát hiện nạp nhiều giấy; đảo ngược và thử lại; chỉnh sửa tài liệu; tự động loại bỏ màu giấy; tách lệnh in (trang trống, mã vạch); hình mờ; đóng dấu	
Vùng có thể scan	Kích thước giấy ảnh media tối đa (phẳng): 297 x 432 mm; Kích thước giấy ảnh media tối thiểu (ADF): 68 x 127 mm Kích thước giấy ảnh media tối đa (ADF): 297 x 420 mm			
Độ sâu bit/ Cấp độ hình ảnh thang độ xám	24 bit / 256			
Gửi dưới dạng kỹ thuật số	Tiêu chuẩn: Scan sang email; scan vào thư mục mạng; scan sang ổ đĩa USB; scan sang SharePoint; scan sang FTP; scan sang sFTP; scan sang fax LAN; scan sang Fax Internet; số địa chỉ cục bộ; SMTP qua SSL; tự động phát hiện màu sắc/đơn sắc; PDF có tỷ lệ nền cao; điều chỉnh hình ảnh (độ tối, độ tương phản, xóa nền, độ sắc nét); tối ưu hóa văn bản/hình ảnh (văn bản, hỗn hợp, ảnh in, ảnh); định hướng nội dung; chế độ scan (sách, ID 2 mặt); xóa viền; xây dựng lệnh in; xem trước hình ảnh; bỏ trang trắng; tự động đuôi thẳng; OCR nhúng;		Tiêu chuẩn: Scan tới email; scan tới thư mục mạng; scan tới ổ đĩa USB; scan tới SharePoint; scan tới FTP; scan tới sFTP; scan tới fax LAN; scan tới Internet Fax; số địa chỉ cục bộ; SMTP qua SSL; tự động phát hiện màu sắc/đơn sắc; định dạng PDF có tỷ lệ nền cao; điều chỉnh hình ảnh (độ tối, tương phản, xóa nền, độ sắc nét); tối ưu hóa văn bản/hình ảnh (văn bản, kết hợp, ảnh in, ảnh chụp); hướng nội dung; chế độ scan (số, ID 2 mặt); xóa cạnh; tự động cắt trang; xây dựng lệnh in; xem trước hình ảnh; bỏ trang trắng; tự động xếp thẳng; OCR nhúng; tối ưu hóa văn bản/hình ảnh (tự động); scan tới nhiều đích đến; tự động điều chỉnh tổng màu; tự động chỉnh hướng; phát hiện nạp nhiều giấy; đảo ngược và thử lại; chỉnh sửa tài liệu; tự động loại bỏ màu giấy; tách lệnh in (trang trống, mã vạch); hình mờ; đóng dấu	
Fax				
Fax	Tùy chọn, 33,6 kbps (tốc độ tối đa của modem fax)		Có, 33,6 kbps (tốc độ tối đa của modem fax)	
Thông số kỹ thuật máy fax	Bộ nhớ fax: Tối đa 500 trang; Độ phân giải fax: Tiêu chuẩn: 203 x 98 dpi; Min: Tối đa 203 x 196 dpi; Thương hạng: Lên đến 300 x 300 dpi; Quay số nhanh: Lên tới 1000 số (mỗi số có 210 đích); Tuần thủ quy định viên thông: Bộ dụng cụ viên thông tùy chọn (BOSI8-1814-00 / BOSI8-1814-01); TIA-968-B-3; Bộ luật Quy định Liên bang Phần 68 (Hoa Kỳ); IC CS-03 Phần I Ban hành lần 9, Sửa đổi lần 5, tháng 3 năm 2016 (CANADA); ETSI ES 203 021-1 V2.1.1; ETSI ES 203 021-2 V2.1.2; ETSI ES 203 021-3 V2.1.2 (CHÂU ÂU); TE-001 Ban hành lần 5 (Nam Phi); AS/CA S002 2010 (Úc); PTC 200:2006 (New Zealand); phê duyệt viên thông khác theo yêu cầu của từng quốc gia			
Tốc độ bộ xử lý	1,6 GHz (lõi tứ), 1,4 GHz (lõi kép)			
Lưu trữ Tiêu chuẩn	SSD 256 GB			

Model	HP LaserJet Ent MFP 8601dn Pntr		HP LaserJet Ent Flw MFP 8601z Pntr	HP LaserJet Ent Flw MFP 8601z+ Pntr
Mã sản phẩm	9S186A		9S185A	AQ1E3A
Khả năng kết nối				
Tiêu chuẩn	Mạng Ethernet 10/100/1000T 1 Gigabit; 1 Phần cứng tích hợp hỗ trợ hệ thứ 2 (HIP2); 1 cổng Hi-Speed USB 2.0 (máy chủ); 1 USB 3.0 siêu tốc độ (thiết bị); 1 cổng SuperSpeed USB 3.0 (máy chủ);			
Optional	Phụ kiện BLE/NFC/Không dây HP Jetdirect 3100w 3JN69A			
Không dây	Tùy chọn, cho phép việc mua phụ kiện phần cứng			
Khả năng in trên thiết bị di động	Apple AirPrint™; Được chứng nhận Mopria™; In qua Wi-Fi® Direct; In qua PrinterOn			
Hỗ trợ giao thức mạng	IPv4/IPv6: Tương thích Apple Bonjour (Mac OS 10.2.4 trở lên), AirPrint, SNMPv1/v2c/v3, HTTP, HTTPS, Port 9100, LPD, WS Discovery, IPP, Secure-IPP, IPsec/Firewall; IPv6: DHCPv6, MLDv1, ICMPv6; IPv4: Auto-IP, SLP, LLNMR, IGMPv2, BOOTP/DHCP, WINS, IP Direct Mode, WS Print; HP Web Services			
Ổ cứng	Không có			
Bộ nhớ	Tiêu chuẩn: 6 GB; Tối đa: 6 GB			
Xử lý giấy ảnh media				
Số khay giấy	Tiêu chuẩn: 5 ; Tối đa: 5			
Loại giấy in	Trơn, HP EcoEFICIENT, HP Matte 90 g, Nhe 60-74 g, Bond, Tái chế, HP Matte 105 g, HP Matte 120 g, HP Soft Gloss 120 g, HP Glossy 120 g, Trung bình 96-110 g, Nặng 111-130 g, Trung bình, Bóng 96-110 g, Nặng, Bóng 111-130 g, HP Matte 150 g, HP Glossy 150 g, Siêu nặng 131-175 g, Siêu nặng, Bóng 131-175 g, HP Matte 200 g, HP Glossy 200 g, Giấy in thể 176-220 g, Giấy bóng in thể 176-220 g, Bia cứng nhẹ 221-255 g, Bia cứng 256-300 g, Bia cứng nặng, Trong suốt một màu, Nhân, Tiêu đề thư, Phong bì, Phong bì nặng, In sẵn, Đục lỗ sẵn, Có màu			
Khổ giấy in	Tùy chỉnh (theo hệ mét): Khay 1: 98 x 139,7 đến 320 x 457,2 mm; Khay 2: 98 x 139,7 đến 297 x 390 mm; Khay 3: 140 x 182 đến 320 x 457,2 mm; Khay 4: 140 x 182 đến 320 x 457,2 mm; Khay 5: 140 x 182 đến 320 x 457,2 mm ; Có hỗ trợ (theo hệ mét): Khay 1: A3, A4, A4R, A5, A5RRA3A6SRA3, RA4, SRA4, B4 (JIS), B5 (JIS), (JIS), B6 10x15cm, Oficio, 8K, 16k, Bưu thiếp (JIS), Bưu thiếp (JIS), Phong bìB5, Phong C5bi, Phong bì, C6Phong bì DL; Khay 2: A4, A4R, A5, A5R, A6RA4, B4 (JIS), B5 (JIS), (JIS), B6Oficio, 8K, 16k, Phong bì B5, Phong C5bi, C6Phong bì, Phong bì DL; Khay 3: A3, A4, A4R, A5, RA3RA4B4 (JIS), B5 (JIS), Oficio, 8K, 16k; Khay 4: A3, A4, A4R, A5, RA3RA4B4 (JIS), B5 (JIS), Oficio, 8K, 16k; Khay 5: A3, A4, A4R, A5, RA3RA4B4 , (JIS), B5 (JIS), Oficio, 8K, 16k ; ADF: Legal, oficio, executive, statement, ledger, A3, A6B4B6A4A4RA5B516K, Bưu thiếp D (JIS)			
Xử lý giấy ảnh media ³	Đầu vào tiêu chuẩn: Khay đa năng 100 tờ, 4 x khay nạp giấy 520 tờ Đầu ra tiêu chuẩn: Tối đa 500 tờ ADF: Tiêu chuẩn, 200 tờ	Đầu vào tiêu chuẩn: Khay đa năng 100 tờ, 4 x khay nạp giấy 520 tờ Đầu ra tiêu chuẩn: Tối đa 500 tờ ADF: Tiêu chuẩn, 300 tờ	Đầu vào tiêu chuẩn: Khay đa năng 100 tờ, 4 x khay nạp giấy 520 tờ Đầu ra tiêu chuẩn: Lên tới 3.250 tờ ADF: Tiêu chuẩn, 300 tờ	
Trọng lượng giấy ảnh media	Khay 1, 2, 3: 60 - 325 g/m²; ADF: 45 đến 199 g/m²		Khay 1, 2, 3: 60 - 325 g/m²; ADF: 45 đến 255 g/m²	
Công suất đầu vào	Tiêu chuẩn: Khay đa năng 100 tờ, 4 x khay nạp giấy 520 tờ Tối đa 2.180 tờ (Khay 1: tối đa 100 tờ; Khay 2: tối đa 520 tờ; Khay 3: tối đa 520 tờ; Khay 4: tối đa 520 tờ; Khay 5: tối đa 520 tờ)			
Công suất đầu ra	Tiêu chuẩn: Tối đa 500 tờ Phong bì: Lên đến 40 phong bì Giấy trong: Lên đến 100 tờ Tối đa: Tối đa 500 tờ		Tiêu chuẩn: Lên tới 3.250 tờ Phong bì: Lên đến 40 phong bì Giấy trong: Lên đến 100 tờ Tối đa: Lên tới 3.250 tờ	
Hệ điều hành tương thích	Windows 11; Windows 10; Hệ Điều hành Windows Client; Android; iOS; macOS 12 Monterey; macOS 13 Ventura; MacOS v14 Sonoma; Windows 8.1			
Các hệ điều hành mạng tương thích	Máy chủ Windows; Citrix; Linux			
Yêu cầu hệ thống tối thiểu	Windows: Ổ cứng có 2 GB trống, kết nối Internet, hoặc cổng USB, trình duyệt Internet. Để biết thêm các yêu cầu khác đối với phần cứng của hệ điều hành, vui lòng truy cập microsoft.com; Mac: Có sẵn 2 GB dung lượng ổ cứng; Kết nối Internet hoặc cổng USB; Trình duyệt Internet. Để biết các yêu cầu khác đối với phần cứng hệ điều hành, truy cập apple.com			
Phần mềm đi kèm	Không có giải pháp phần mềm nào được bao gồm trong hộp, chỉ có trên http://hp.com, https://support.hp.com/			
Quản lý bảo mật	Quản lý danh tính: Xác thực Kerberos, xác thực LDAP, 1000 mã PIN người dùng, các giải pháp xác thực nâng cao tùy chọn của HP và bên thứ ba (ví dụ: đầu đọc phù hiệu); Mạng: IPsec/tường lửa có chứng chỉ/xác thực Khóa chia sẻ trước, Hỗ trợ plug-in cấu hình IPsec WJA-10, xác thực 802.1X (EAP-PEAP; EAP-TLS), SNMPv3, HTTPS, Chứng chỉ; Dữ liệu: Mã hóa lưu trữ, Mã hóa PDF & Email, SSL/TLS (HTTPS), Thông tin đăng nhập mã hóa; Thiết bị: HP Sure Start Secure Boot (Kiểm tra tính toàn vẹn của BIOS với khả năng tự phục hồi), Phát hiện xâm nhập (Giám sát liên tục trong thiết bị để phát hiện tấn công), Lập danh sách an toàn (chỉ tài mã không độc hại đã biết), HP Memory Shield™, Mô-dun nền tảng tin cậy nhúng sẵn, HP Connection Inspector, Khe khóa bảo mật, vô hiệu cổng USB; Quản lý bảo mật: Tương thích với HP Security Manager, các Thông báo nhật ký hệ thống bảo mật thiết bị được xử lý và có thể truy cập trong Arcsight cũng như Splunk SIEM			
Quản lý máy in	Phần mềm HP Web JetAdmin, HP Security Manager, HP SNMP Proxy Agent (Một phần của HP WebJetAdmin), HP WS Pro Proxy Agent (Một phần của HP WebJetAdmin), Bộ tài nguyên quản trị máy in dành cho Trình điều khiển in phổ thông HP (Cấu hình trình điều khiển, Tiện ích - Trình điều khiển, Tiện ích triển khai - Bộ quản trị in được quản lý)			
Kích thước và trọng lượng				
Kích thước máy in (R x S x C)	Tối thiểu 585 x 695 x 1158 mm; Tối đa: 1083,5 x 1308,1 x 1486,7 mm	Tối thiểu 585 x 695 x 1189 mm; Tối đa: 1083,5 x 1308,1 x 1500,5 mm	Tối thiểu 1293 x 695 x 1189 mm; Tối đa: 1677,2 x 1308,1 x 1500,5 mm (có bộ đập ghim-xếp chồng giấy)	
Kích thước đóng thùng (R x S x C)	890 x 972 x 1364 mm	890 x 972 x 1394 mm	1,565 x 972 x 1,418 mm	
Trọng lượng máy in ⁹	107.42 kg	112.72 kg	152.95 kg	
Trọng lượng đóng thùng	146.92 kg	152.22 kg	219.05 kg	
Môi trường hoạt động	Nhiệt độ: 15 đến 30°C; Độ ẩm: 20 đến 80% RH			
Điều kiện lưu trữ	Nhiệt độ: -10 đến 40°C			
Âm thanh ⁸	Phát xạ công suất âm thanh: Scan: Cơ sở: 6.8 B(A), scan qua khay nạp tài liệu tự động A4 ở tốc độ 90 hình/phút; In ấn: 7,1 B(A), in màu một mặt A4 ở tốc độ 70 trang/phút; Sẵn sàng: Không nghe được;	Phát xạ công suất âm thanh: 7,10 B(A) (in một mặt A4 màu ở tốc độ 70 trang/phút); Phát xạ áp suất âm thanh: 55 dB(A) (in màu một mặt A4 ở tốc độ 70 trang/phút)	Phát xạ công suất âm thanh: 7,40 B(A) (in một mặt A4 màu ở tốc độ 70 trang/phút); Phát xạ áp suất âm thanh: 58 dB(A) (in một mặt A4 màu ở tốc độ 70 trang/phút)	
Nguồn điện	Yêu cầu: Điện áp đầu vào: 110 đến 127 VAC (+/-10%), 50/60 Hz (+/-3 Hz), 12,0 A 220 đến 240 VAC (+/-10%), 50/60 Hz (+/-3 Hz), 7,0 A 100 VAC (+/-10%), 50/60 Hz (+/-3 Hz), (Không phải điện áp kép, nguồn điện thay đổi theo số hiệu với Mã định danh tùy chọn #) ; Tiêu thụ: 1.088,16 watt (in), 35,07 watt (sẵn sàng), 0,74 watt (ngủ), 0,13 watt (tự động tắt), 0,13 watt (tắt thủ công) ; Mức tiêu thụ Điện Điện hình (TEC): 1,032 kWh/tuần ; Loại nguồn điện: Bộ cấp nguồn trong (tích hợp)			
Công nghệ tiết kiệm năng lượng	Tiết kiệm pin			
Chứng nhận	CISPR 22:2008 (Quốc tế) - Loại A, CISPR 32:2015 (Quốc tế) - Loại A, EN 55032: 2015 (EU) - Loại A, CISPR 11:2016, EN 55011:2016, EN 61000-3-2: 2019, EN 61000-3-3: 2013+A1:2019, EN 55024: 2010+A1:2015, EN 55035:2017+A11:2020, EN60601-1-2:2015, Chỉ thị EMC 2014/30/EU, FCC CFR 47 Phần 15 Loại A / ICES-003, Mục 7:2020 Loại A, Các phê duyệt khác về EMC theo quy định của từng quốc gia Tuyên bố IT ECO; Tiêu chuẩn Blue Angel; Đã đăng ký EPEAT®; Đạt chứng nhận ENERGY STAR® Tuần thủ Blue Angel Có, Blue Angel DE-UZ 219—chỉ được bảo đảm khi sử dụng mực in HP chính hãng			
Hộp mực thay thế ⁷	Hộp mực W1760A HP 176A LJ màu đen (Năng suất ISO 45.000)			
Trong hộp có gì	Hướng dẫn lắp đặt; Tờ thông tin về quy định; dây nguồn; bàn phím/lớp phủ cho z/z+; hướng dẫn sử dụng			
Năng suất trang (hộp mực thiết lập/trong hộp)	Hộp mực khởi động LJ màu đen HP 176A (Năng suất ISO 25.000) W1760AS			
Bảo hành	Chiến lược bảo hành tiêu chuẩn: Bảo hành giới hạn trong vòng một năm			

Ghi chú

¹ Dòng máy in HP LaserJet Enterprise 8801/8601/8501 là mẫu hàng đầu trong danh mục máy in HP Enterprise của chúng tôi, có tốc độ in và scan cao nhất, cùng với các giải pháp in tiên tiến giúp quản lý in dễ dàng.

² Chỉ có trên z, z+.

³ Một số tính năng kích hoạt từ các nâng cấp firmware HP FutureSmart trong tương lai có thể không có sẵn trên các thiết bị đời cũ, ví dụ, nếu các đặc điểm vật lý của sản phẩm giới hạn chức năng của tính năng mới.

⁴ Tốc độ scan đo được từ Khay nạp tài liệu tự động. Tốc độ xử lý thực tế có thể khác nhau tùy theo độ phân giải khi scan, điều kiện mạng, hiệu năng của máy tính và phần mềm ứng dụng.

⁵ Được đo theo tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu kiểm thử đầu tiên. Để biết thêm thông tin, xem <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁶ HP Security giữ là HP Wolf Security. Các tính năng bảo mật khác nhau tùy theo nền tảng, vui lòng xem bảng dữ liệu sản phẩm để biết chi tiết. Các tính năng bảo mật tích hợp tiên tiến nhất của HP có sẵn trên các thiết bị HP Managed và Enterprise sử dụng firmware HP FutureSmart phiên bản 4.5 trở lên. Tuyên bố dựa trên đánh giá của HP về các tính năng đã công bố năm 2024 của những máy in cạnh tranh cùng loại. Chỉ có HP cung cấp nhiều tính năng bảo mật tự động phát hiện, ngăn chặn và khôi phục sau các cuộc tấn công bằng phương thức khởi động lại tự phục hồi theo hướng dẫn NIST SP 800-193 về khả năng phản ứng linh hoạt của thiết bị trước các nguy cơ tấn công mạng. Để xem danh sách các sản phẩm tương thích, vui lòng truy cập: hp.com/go/PrintersThatProtect. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập: hp.com/go/PrinterSecurityClaims. HP Security Manager phải được mua riêng. Để tìm hiểu thêm, vui lòng truy cập hp.com/go/securitymanager. Mã hóa hậu lượng tử (PQC): Dựa trên phân tích nội bộ của HP về các Máy in dành cho doanh nghiệp có mã hóa, xác thực, bảo vệ chống phần mềm độc hại và bảo vệ ở cấp độ BIOS với khả năng tự khôi phục tự động và nhận thấy rằng không có Máy in cùng loại nào khác triển khai sơ đồ mã hóa kháng lượng tử để bảo vệ tính toàn vẹn của BIOS kể từ năm 2025. PQC sẽ có sẵn vào mùa thu năm 2025 với Firmware 25.9.2.2+.

⁷ Việc sử dụng Mô-đun HP Trusted Platform có thể yêu cầu nâng cấp firmware.

⁸ HP tự thiết kế và kiểm tra các hệ thống in của mình nhằm ngăn lượng khí thải vượt quá các quy định về nhân sinh thái Blue Angel và EPEAT. Dựa trên đăng ký EPEAT® của Hoa Kỳ, Canada, Ấn Độ và Úc theo IEEE 1680.1-2018 EPEAT®. Trạng thái EPEAT® khác nhau tùy theo quốc gia. Truy cập www.epeat.net để biết thêm thông tin. ENERGY STAR và logo ENERGY STAR là các nhãn hiệu đã đăng ký tại Hoa Kỳ. Máy in HP, giấy HP và vật tư HP chính hãng - Tiêu chí phát thải Blue Angel DE-UZ 219.

⁹ Phạm vi áp dụng chương trình có thể khác nhau. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập hp.com/hprecycle.

¹⁰ HP hợp tác với các đối tác của chúng tôi bao gồm WWF và Tổ chức Bảo tồn Quốc tế để quản lý, khôi phục và bảo vệ rừng ở nhiều quốc gia trên thế giới. Với HP, mọi bản in — bất kể thương hiệu giấy nào — đều được xử lý thông qua Khuôn khổ Tích cực về Rừng của HP để chống lại các nguy cơ phá rừng. Để tìm hiểu thêm thông tin, truy cập hp.com/forestfirst.

¹¹ HP Web Jetadmin được cung cấp miễn phí. Bạn có thể tải xuống hp.com/go/webjetadmin.

¹² Xem hp.com/go/TonerRecycledContent để biết danh sách. Tái chế từ rác thải sinh hoạt dựa trên định nghĩa được đặt trong tiêu chuẩn EPEAT cho thiết bị hình ảnh và được biểu thị bằng phần trăm tổng trọng lượng nhựa.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm về thông số kỹ thuật

¹ Tốc độ quét được tính từ ADF. Tốc độ xử lý thực tế có thể khác nhau tùy theo độ phân giải quét, điều kiện mạng, hiệu suất của máy tính và phần mềm ứng dụng.

² Dựa trên đánh giá nội bộ của HP, đo thời gian từ khi bắt đầu scan đến khi thoát trang in. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu. Ngoài ra, để biết thông tin về Đầu ra Bảo sao đầu tiên được đo bằng ISO/IEC 29183, xem <http://www.hp.com/go/printerclaims>.

³ Công suất Khay nạp tài liệu tự động được xác định dựa trên giấy 75 g/m².

⁴ Đối với phần mềm Scan, hỗ trợ: Windows (JPG, RAW (BMP), PDF, TIFF, PNG, RTF) và Mac (JPG, JPG-2000, TIFF, PNG, PDF, PDF có thể tìm kiếm, RTF, TXT).

⁵ Được đo bằng cách sử dụng tiêu chuẩn ISO/IEC 24734, không bao gồm bộ tài liệu thử nghiệm đầu tiên. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập <http://www.hp.com/go/printerclaims>. Tốc độ chính xác thay đổi theo cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu.

⁶ Dựa trên đánh giá nội bộ của HP, đo thời gian từ khi bắt đầu in đến khi thoát trang. Tốc độ chính xác thay đổi tùy thuộc vào cấu hình hệ thống, ứng dụng phần mềm, trình điều khiển và độ phức tạp của tài liệu. Ngoài ra, để biết thông tin về First Page Out được đo bằng ISO/IEC 17629, xem hp.com/go/printerclaims.

⁷ Năng suất trung bình xấp xỉ dựa trên tiêu chuẩn ISO/IEC 19752. Năng suất thực tế thay đổi đáng kể dựa trên nội dung trang in và các yếu tố khác. Để biết chi tiết, xem <http://www.hp.com/go/learnaboutsupplies>.

⁸ Các giá trị âm thanh có thể thay đổi. Để biết thông tin hiện tại, xem <https://www.hp.com/support>.

⁹ Bao gồm trọng lượng hộp mực khởi động

